

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Đề án chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Quyết định số 1482/QĐ-BYT ngày 22/5/2026 của Bộ Y tế ban hành Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030”.

Ủy ban nhân dân Lai Châu ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên giai đoạn 2026-2030” như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao tình trạng sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của vị thành niên, thanh niên thông qua việc xây dựng cơ chế tài chính bền vững trên địa bàn tỉnh, mở rộng tiếp cận dịch vụ y tế thân thiện, chất lượng và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, đồng thời trang bị kiến thức, kỹ năng giúp thay đổi hành vi, góp phần nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực cho phát triển đất nước.

Chỉ tiêu đến 2030:

- Tỷ suất sinh đặc trưng lứa tuổi 15-19 (ASFR, 15-19 tuổi) giảm xuống dưới 18 trẻ đẻ sống/1.000 phụ nữ trong nhóm tuổi.

- Tỷ lệ phá thai ở vị thành niên trên tổng số ca phá thai dưới 1%.

2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể 1: Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và đảm bảo nguồn lực tài chính bền vững

Chỉ tiêu đến 2030:

100% xã, phường ban hành kế hoạch và bố trí ngân sách để thực hiện Đề án.

Mục tiêu cụ thể 2: Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên, thanh niên (SKSS, SKTD VTN, TN)

Chỉ tiêu đến 2030:

- 85% VTN, TN (15-24 tuổi) có hiểu biết đúng và đầy đủ về dự phòng mang thai ngoài ý muốn và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

- 100% trường THCS, THPT, giáo dục nghề nghiệp đưa nội dung giáo dục giới tính/SKSS/SKTD vào chương trình đào tạo chính khóa, ngoại khóa.

- 50% trường phổ thông dân tộc nội trú có triển khai mô hình góc truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản VTN, TN.

Mục tiêu cụ thể 3: Tăng cường tiếp cận và nâng cao chất lượng dịch vụ thân thiện với VTN-TN

Chỉ tiêu đến 2030:

- 50% cơ sở y tế công lập (cấp cơ bản trở lên) đạt tiêu chuẩn thân thiện với VTN, TN theo Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc SKSS cho VTN, TN.

- 80% nhu cầu về các biện pháp tránh thai hiện đại ở phụ nữ độ tuổi 15-24 được đáp ứng.

II. THỜI GIAN PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CAN THIỆP

1. Thời gian thực hiện: từ năm 2026 đến hết năm 2030.

2. Phạm vi can thiệp

Kế hoạch được triển khai trên địa bàn toàn tỉnh, thực hiện theo lộ trình, phù hợp với các chiến lược, chính sách đã ban hành nhằm cải thiện sức khỏe sinh sản vị thành niên thanh niên.

3. Đối tượng

- Vị thành niên và thanh niên, trong đó bao gồm các nhóm đối tượng ưu tiên sau: nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 13 tuổi; TN chưa kết hôn; nhóm VTN, TN khuyết tật; nhóm VTN, TN di cư; nhóm VTN, TN là người dân tộc thiểu số; nhóm thanh niên kể cả người trẻ dưới 30 tuổi; nhóm đồng giới.

- Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm sóc SKSS.

- Cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ Đoàn thanh niên.

III. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp về quản lý, điều hành

- Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN phù hợp với các nhóm đối tượng ưu tiên. Chú trọng việc phát hiện các bằng chứng để đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn đáp ứng nhu cầu cần chăm sóc của VTN, TN.

- Thực hiện bộ chỉ số theo dõi khả thi và tích hợp vào hệ thống thông tin y tế. Công khai kết quả thực hiện trên địa bàn theo định kỳ để thúc đẩy trách nhiệm

giải trình.

- Đưa chỉ tiêu SKSS VTN, TN vào Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội trên toàn tỉnh, bố trí ngân sách đảm bảo các hoạt động của chương trình được triển khai.

2. Nhóm giải pháp về tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tuyên truyền, vận động về tầm quan trọng của việc chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN cho các nhà hoạch định chính sách và các đại biểu dân cử, các nhà lãnh đạo, nhà quản lý các lĩnh vực liên quan như giáo dục, doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng; hội nghị, hội thảo chuyên đề hoặc lồng ghép; gặp gỡ vận động trực tiếp nhằm nâng cao hiểu biết của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành liên quan về những thách thức của việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, gia đình, cộng đồng về chăm sóc SKSS, SKTD, VTN, TN, chú trọng cung cấp thông tin, kiến thức về CSSKSS, SKTD cho VTN, TN, cha mẹ, giáo viên, nhân viên làm công tác CSSKSS, SKTD nói chung.

- Thực hiện truyền thông về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN qua các tài liệu như sổ tay, tờ rơi, video clip về kiến thức chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN.

- Nội dung truyền thông, tư vấn cần phù hợp với độ tuổi và nhóm đối tượng, trong đó chú trọng: Kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN, TN, đặc biệt là kiến thức và thực hành đúng về tình dục an toàn, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản và các bệnh LTQĐTD; tính sẵn có và địa chỉ các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông: truyền thông trực tiếp thông qua các chiến dịch các buổi tọa đàm, nói chuyện chuyên đề; truyền thông qua các phương tiện đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình), truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội, truyền thông theo chuyên đề.

- Ứng dụng các nền tảng số quốc gia (website/ứng dụng di động) cung cấp thông tin chính xác, tư vấn ẩn danh (chatbot/tổng đài) và bản đồ các cơ sở cung cấp dịch vụ thân thiện, nhằm phá vỡ các rào cản về thông tin và tâm lý.

- Thực hiện các gói can thiệp truyền thông phù hợp cho nhóm đối tượng đặc thù: VTN, TN đồng bào dân tộc thiểu số.

- Triển khai giáo dục giới tính toàn diện trong nhà trường theo lộ trình chuẩn hóa, phù hợp lứa tuổi: tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến SKSS, SKTD cho VTN, TN; xây dựng góc tư vấn về SKSS,

SKTD với nội dung phù hợp với từng bậc học,); khuyến khích các hình thức giáo dục đồng trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS, SKTD trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, các cuộc thi trong nhà trường (như thi kiến thức, thi hùng biện, ngày hội mỹ thuật).

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa truyền thông, giáo dục theo chủ đề về SKSS, SKTD cho VTN, TN trong trường học theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tại cộng đồng, trường học: thành lập, nhân rộng mô hình Câu lạc bộ SKSS tích hợp tư vấn viên đồng đẳng. Truyền thông và tư vấn cho phụ huynh học sinh, người chăm sóc VTN, TN về CSSKSS, SKTD VTN, TN.

- Truyền thông vận động, khuyến khích nam, nữ thanh niên kết hôn, sinh con để đạt và duy trì mức sinh thay thế trên toàn tỉnh

- Trong công tác truyền thông các cơ quan, đơn vị cần đảm bảo an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

3. Nhóm giải pháp về cung cấp dịch vụ

- củng cố các dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN, TN sẵn có; phát triển các cơ sở dịch vụ mới thân thiện với VTN, TN.

- Kết nối hệ thống y tế học đường với trạm y tế xã/phường để xử lý các ca cần can thiệp chuyên sâu.

- Mô hình hóa dịch vụ: các mô hình cung cấp dịch vụ chuyên biệt; xây dựng và nhân rộng các gói dịch vụ được xây dựng cho các nhóm ưu tiên:

- + Tại cộng đồng: Thành lập đội y tế lưu động và cộng tác viên người dân tộc thiểu số cung cấp dịch vụ cho vùng sâu, vùng xa và tăng cường tích hợp dịch vụ tư vấn tâm lý - SKSS trong các trường học, trường nghề. Tổ chức các đợt chăm sóc lưu động về SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện, kết hợp với các chương trình truyền thông, đảm bảo tính thuận tiện về thời gian và địa điểm cho VTN, TN.

- + Tại cơ sở y tế: Thiết kế “Góc thân thiện” hoặc luồng khám riêng đảm bảo sự riêng tư cho cung cấp các dịch vụ SKSS cho VTN, TN. Ưu tiên mô hình “Góc dịch vụ thân thiện với VTN, TN” tại trạm y tế với yêu cầu tối giản, tập trung vào thái độ phục vụ, quy trình bảo mật và tư vấn không phán xét, phù hợp với điều kiện nguồn lực của tỉnh.

- + Phối hợp các sở, ban ngành liên quan như Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh xây dựng các mô hình điểm cung cấp thông tin, tư vấn kết hợp với cung cấp dịch vụ tại các địa điểm thích hợp như nhà trường, cộng đồng.

- Khuyến khích cung cấp bao cao su tránh thai tại các cửa hàng tiện ích,

siêu thị.

- Lựa chọn linh hoạt các mô hình dịch vụ về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục VTN, TN phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn tỉnh.

4. Nhóm giải pháp về đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Tăng cường nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ SKSS, SKTD cho VTN, TN, theo đó có thể tận dụng một số nguồn nhân lực có tiềm năng như các cán bộ y tế có chuyên môn cao đã nghỉ chế độ, sự tham gia của y tế tư nhân.

- Tổ chức và đa dạng hóa hình thức đào tạo liên tục, tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho nhân viên y tế công lập và tư nhân đang làm công tác chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN, đặc biệt là nhóm VTN, TN ưu tiên (như đào tạo trực tuyến).

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, tập huấn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật theo nhu cầu bằng phương pháp cầm tay chỉ việc về chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN, TN.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ mới, phù hợp trong chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN, đánh giá hiệu quả nhằm rút kinh nghiệm.

- Thực hiện điều tra định kỳ để có số liệu thực chứng về hành vi.

5. Nhóm giải pháp về tăng cường phối hợp liên ngành

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh và UBND các xã, phường triển khai thực hiện Đề án.

- Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tổ chức đoàn thanh niên phối hợp với ngành y tế tổ chức các chiến dịch truyền thông kết hợp cung ứng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD.

6. Nhóm giải pháp về quản lý thông tin, theo dõi, giám sát, đánh giá

- Sử dụng bộ chỉ số, công cụ theo dõi, đánh giá về chăm sóc SKSS, SKTD VTN, TN theo các nhóm: độ tuổi, dân tộc, khu vực, trình độ học vấn, kinh tế và lồng ghép vào hệ thống thống kê báo cáo và cơ sở dữ liệu về SKSS; đào tạo cho đội ngũ làm công tác thống kê, báo cáo nhằm nâng cao chất lượng báo cáo.

- Cải thiện hệ thống thông tin y tế: Tích hợp bộ chỉ số tối thiểu về SKSS, SKTD cho VTN, TN vào hệ thống báo cáo thống kê y tế thường quy. Cập nhật biểu mẫu báo cáo thống kê trong đó phân tổ số liệu theo nhóm tuổi (10-14, 15-19, 20-24) và giới tính.

- Tăng cường phối hợp chia sẻ dữ liệu giữa ngành Y tế và Thống kê để theo dõi các biến động về dân số/SKSS VTN.

- Tăng cường thu thập, phân tích dữ liệu và sử dụng các thông tin đã

phân tích theo độ tuổi, giới, trình độ, nơi học tập/làm việc, tôn giáo, vùng địa lý và loại hình dịch vụ liên quan tới SKSS, SKTD VTN, TN.

- Tăng cường theo dõi tiến độ, giám sát, hỗ trợ nhằm nâng cao chất lượng cung cấp thông tin, dịch vụ CSSK thân thiện với VTN, TN.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; nguồn bảo hiểm y tế; nguồn vốn viện trợ, hợp tác quốc tế; nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có liên quan để xây dựng các chương trình can thiệp, các mô hình điểm trong truyền thông, cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ Y tế và UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản (SKSS), sức khỏe tình dục (SKTD) cho vị thành niên, thanh niên (VTN-TN) trong các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD toàn diện trong nhà trường, chỉ đạo các cơ sở giáo dục phối hợp với cơ quan y tế địa phương tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến SKSS, SKTD VTN - TN; chủ động tuyên truyền về SKSS, SKTD với nội dung phù hợp với từng bậc học tại các Phòng Tư vấn tâm lý của nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS, SKTD trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, tiết học ngoại khóa các cuộc thi trong nhà; vận động các phụ huynh tích cực tham gia các hoạt động trong việc tuyên truyền, giáo dục về chăm sóc SKSS, SKTD VTN - TN.”

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Văn hóa, Thể Thao và Du Lịch

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đa dạng hoá các loại hình truyền thông, xây dựng các phóng sự chuyên đề hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về phương pháp chăm sóc SKSS, SKTD VTN – TN.

5. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Thực hiện chi trả các dịch vụ y tế liên quan đến chăm sóc SKSS, SKTD theo quy định. Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế hướng tới bảo hiểm y tế toàn dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được tiếp cận với các dịch vụ y tế về SKSS, SKTD nói riêng, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nói chung.

6. Các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với ngành Y tế triển khai các nội dung của kế hoạch.

7. UBND các xã, phường

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về SKSS VTN, TN vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện kế hoạch về Sở Y tế tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Y tế.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- Cục Bà mẹ và Trẻ em;
- TT. Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND tỉnh: V, C, CB, HC;
- Lưu: VT, VX1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải